TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **960**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Nguyễn Minh Hiền
2/ Ông Nguyễn Xuân Thảo

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Hoàng Phi Yến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, TP . Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Phan Thị Trúc – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 582/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 553/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 481/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: 133/38/56 C, Phường A, quận T, TP.Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thiên L, sinh năm 1992 (vắng mặt)
Địa chỉ: 133/38/56 C, Phường A, quận T, TP . Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Thiên L tự nguyện đi đến hôn nhân, kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 097 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, TP . Hồ Chí Minh cấp ngày 06/6/2016. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm về cách sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Cuộc sống gia đình vì thế rơi vào trạng thái căng thẳng kéo dài, ảnh hưởng đến cuộc sống của cả hai bên. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Tuấn K, sinh ngày

13/4/2016. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thiên L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thiên L vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Bà Phạm Thị H xin ly hôn với ông Nguyễn Thiên L cư trú tại 1 C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét đây là vụ án "Ly hôn", bị đơn cư trú tại quận T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Thiên L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 097 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, TP . Hồ Chí Minh cấp ngày 06/6/2016 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Thiên L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông L, vì mâu thuẫn kéo dài, hôn nhân thực tế không còn, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ nên khả năng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình là không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông L đã được Tòa án triệu

tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có văn bản nêu ý kiến, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không đến Tòa án để hòa giải chứng tỏ ông không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của mình và không có mong muốn hàn gắn tình cảm với bà H. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông L đã thật sự trầm trọng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Tuấn K, sinh ngày 13/4/2016.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 5.000.000 đồng. Ông L cũng biết yêu cầu của bà H nhưng không có ý kiến. Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ Nguyễn Phạm Tuấn K hiện nay đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng nên để không làm xáo trộn cuộc sống của trẻ nên giao trẻ cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ là muốn ở với mẹ. Bà H yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con với mức 5.000.000 đồng/tháng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của bà H, ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 5.000.000 đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 10/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà H khai không có.

Về nợ chung: Bà H khai không có.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Ông L phải chịu đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thiên L.

- Về con chung: Bà Phạm Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phạm Tuấn K, sinh ngày 13/4/2016. Ông Phạm Thiên L1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng kể từ tháng 10/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án có thẩm quyền

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

* Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

* Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H khai không có.

- Về nợ chung: Bà H khai không có.

2/ Về án phí:

Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0023294 ngày 04/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm Thiên L1 phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3/ Quyền kháng cáo:

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi,

bổ sung năm 2014.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND QTB;
- Chi cục THADSQTB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

(Đã ký)

Trần Thanh Vân